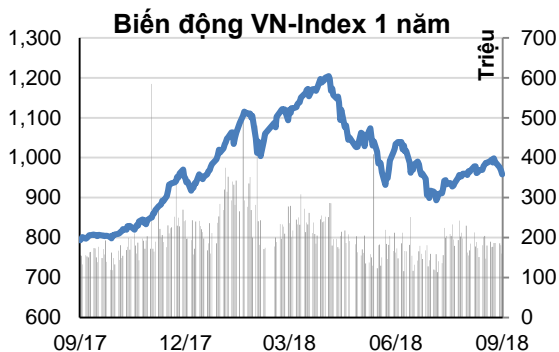


Biến động thị trường

	13/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	988	1.0%	-4.1%
GTGD	3,841	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-50	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Áp lực bán xuất hiện trong phiên chiều

- Thị trường chứng khoán tiếp tục đi lên, tuy nhiên VN-Index rung lắc khi áp lực chốt lời xuất hiện. VN-Index tăng 0.1% đóng cửa ở mức 987.95 điểm. Thanh khoản suy yếu còn 148 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,178 tỷ đồng.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường tích cực khi có 171 mã tăng và 110 mã giảm. VNMid-Index và VNSmall-Index tăng 0.43% và 0.41% trong khi đó VN30-Index lại điều chỉnh giảm 0.16%.
- Ngân hàng và bảo hiểm đang dẫn dắt xu hướng chung với tâm điểm là các cổ phiếu BVH (4.2%), HDB (4%) và ACB (1.5%). Đồng thời, một số mã trong VN30 cũng có sự bứt phá mạnh như DHG, HSG, PNJ và SBT. Chiều ngược lại, VIC, PLX và VJC lại chìm trong sắc đỏ.
- Giá dầu đang ở mức cao trong nhiều năm khi giá dầu WTI của Mỹ nằm trên mức 70 đô la. Tuy nhiên, nhóm dầu khí lại có sự phân hóa khi GAS, PVT và PVS đóng cửa trong sắc đỏ trong khi PVD tăng mạnh 1.6%.
- Khối ngoại quay lại bán ròng 50 tỷ đồng trên sàn HSX. GEX, DHG và MSN bị bán ra nhiều nhất với giá trị 59.4 tỷ đồng, 14.6 tỷ đồng và 11.5 tỷ đồng. Ở chiều mua, nhóm này tập trung mua vào HDB, HPG và VCB.

Nhận định thị trường: Lực bán xuất hiện trong phiên chiều làm tâm lý thị trường trở nên thận trọng. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể rung lắc khi tiếp cận mốc tâm lý 1,000 điểm. Vì thế, nhà đầu tư cần chờ đợi tín hiệu phá vỡ trước khi hành động.

Trái phiếu và Hàng hóa

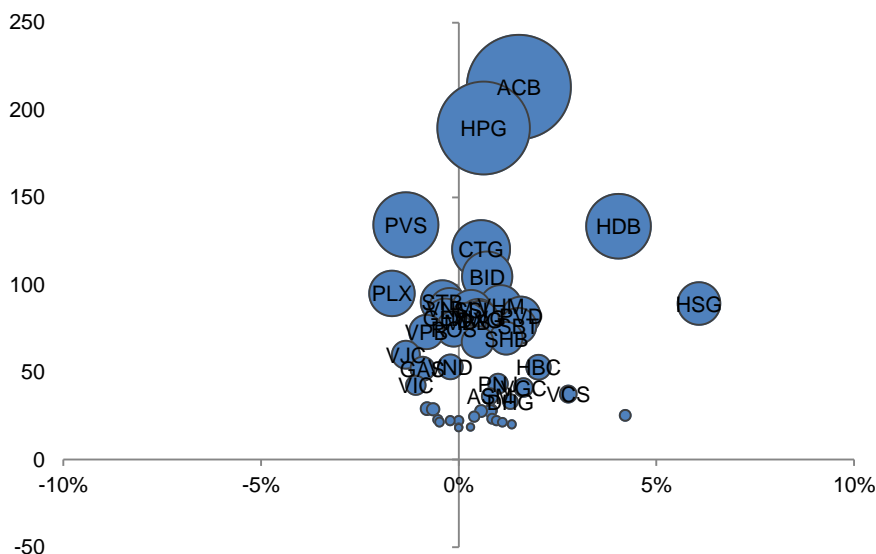
	13-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.105%	4.030%	2.350%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.195%	4.288%	3.120%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.113%	5.025%	4.825%
Dầu WTI (\$/thùng)	69.29	67.2	66.64
Gold (\$/oz)	1,206	1,194	1,299

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	19.8	16.9	14.2

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-950

Kháng cự 1: 1,000-1,010

Hỗ trợ 2: 885-890

Kháng cự 2: 1,035-1,040

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index tạo cây nến Doji phản ánh tâm lý lưỡng lự của nhà đầu tư tại ngưỡng 78.6% Fibonacci Retracement. Chỉ số đã có 2 phiên chững lại đã tăng tại ngưỡng Fibonacci 78.6%. Tín hiệu 2 phiên gần đây cho thấy rủi ro của nhịp tăng "bulltrap". Nếu giá không giữ được vùng hỗ trợ 982-985 điểm tín hiệu kỹ thuật của VN-Index sẽ chuyển qua tiêu cực.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), mặc dù hồi phục từ cuối tuần trước nhưng chỉ số vẫn chưa vượt được ngưỡng 1,000 điểm, mức cao gần đây. Chỉ báo RSI tăng trở lại nhưng vẫn chưa cất lên hoàn toàn đường MA(10) của chỉ báo. Đồng thời, nhìn rộng ra VN-Index cũng đã hoàn thành xong sóng điều chỉnh dạng Flat khi giá đảo chiều giảm từ vùng 1,000-1,012 điểm. Vì vậy, tín hiệu kỹ thuật vẫn đang nghiêng về khả năng một nhịp điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C). Sóng C dự phóng đạt mục tiêu vùng 1,000-1,012 điểm.

Hành động

VN-Index đang cho tín hiệu có phần tiêu cực. Nhà đầu tư nên tận dụng nhịp hồi phục của chỉ số để hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

				Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm					
VN-Index				988	0.94	0.1%	SL CP tăng giá				171
KLGD ('000 cổ phiếu)				172,902	-11,251	-6.1%	SL CP giảm giá				110
GTGD (tỷ VND)				3,841	-317	-7.6%	SL CP không đổi				84
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VHM	105,100	1,100	0.93	VIC	100,300	1,100	-1.106	HPG	39,750	4.75	189.7
BVH	99,000	4,000	0.88	GAS	108,000	1,000	-0.603	HDB	38,600	3.51	133.5
HDB	38,600	1,500	0.46	PLX	69,800	1,200	-0.489	CTG	26,650	4.49	120.5
VCB	62,900	300	0.34	VJC	148,000	2,000	-0.341	BID	35,000	2.98	104.7
BID	35,000	250	0.27	SAB	222,000	-800	-0.162	PLX	69,800	1.35	95.1
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
Công nghiệp	1.8%	-0.33		Năng lượng	-1.4%	-0.47					
TD không thiết yếu	1.4%	0.16		Khác	-1.2%	-0.03					
Tài chính	0.8%	2.21		Dịch vụ tiện ích	-0.7%	-0.52					
CNTT	0.8%	0.08		TD thiết yếu	0.0%	-0.35					
Y Tế	0.7%	0.07		Bất động sản	0.0%	-0.08					

SÀN GIAO DỊCH HNX

				Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm					
HNX-Index				113	1.01	0.9%	SL CP tăng giá				109
KLGD ('000 cổ phiếu)				55,575	5,599	11.2%	SL CP giảm giá				74
GTGD (tỷ VND)				748	58	8.5%	SL CP không đổi				192
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Lagguad				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	33,400	500	0.64	PVS	22,200	-300	-0.07	ACB	33,400	6.40	213.1
SHB	8,400	100	0.11	NVB	8,500	-100	-0.03	PVS	22,200	5.97	134.3
HHC	99,400	9,000	0.09	SHN	9,600	-200	-0.02	SHB	8,400	9.36	69.4
VCS	92,800	2,500	0.08	PVX	1,300	-100	-0.02	VGC	18,600	2.36	41.2
VGC	18,600	300	0.06	MSC	12,500	1,000	-0.01	VCS	92,800	0.55	37.5
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
CNTT	39.5%	-0.01									
Khác	23.6%	0.01									
TD không thiết yếu	19.2%	-0.03									
Nguyên vật liệu	7.4%	0.09									
Y Tế	5.9%	0.01									

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HDB	38,600	20.1	1.0	19.2
HPG	39,750	54.8	40.6	14.3
VCB	62,900	22.4	9.3	13.1
KDH	33,850	12.0	0.0	12.0
VNM	132,100	69.6	58.1	11.5

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
GEX	28,900	4.5	63.9	-59.4
DHG	93,200	0.1	14.7	-14.6
MSN	92,400	15.1	26.7	-11.5
VIC	100,300	33.9	44.7	-10.8
VJC	148,000	1.8	12.1	-10.3

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

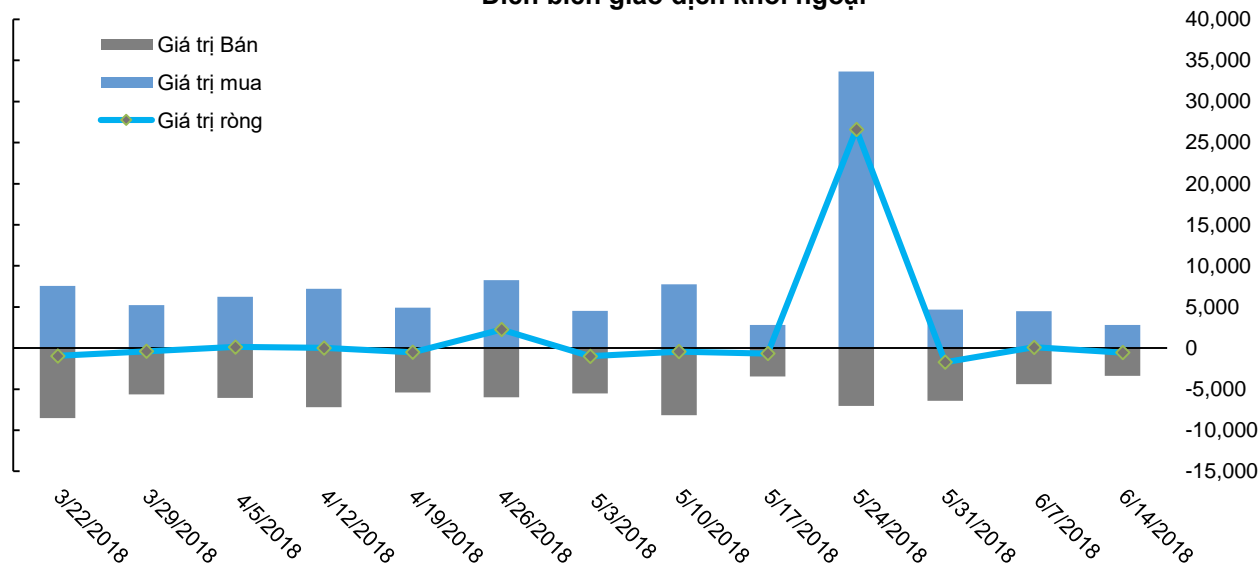
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SHS	15,100	1.7	0.4	1.3
CEO	13,800	0.9	0.0	0.9
PVB	20,200	0.2	0.0	0.2
VGC	18,600	8.4	8.3	0.1
HMH	13,000	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HAD	47,000	0.0	1.4	-1.4
TNG	12,800	0.0	0.5	-0.5
PVS	22,200	0.2	0.7	-0.5
WCS	126,700	0.0	0.0	0.0
PVC	7,500	0.1	0.5	-0.3

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 920

Kháng cự 1: 960

Hỗ trợ 2: 900

Kháng cự 2: 975



Nhận định xu hướng: VN30-Index thoát lùi từ MA(100) với mẫu hình Gravestone Doji và là phiên thứ 2 liên tiếp chỉ số thoát lùi từ đường trung bình động này. Chỉ báo RSI vẫn chưa cắt lên MA(10) của chỉ báo và MACD ở dưới đường Signal. Các tín hiệu kỹ thuật cho thấy tín hiệu đảo chiều giảm điểm đang rõ ràng trong phiên hôm nay.

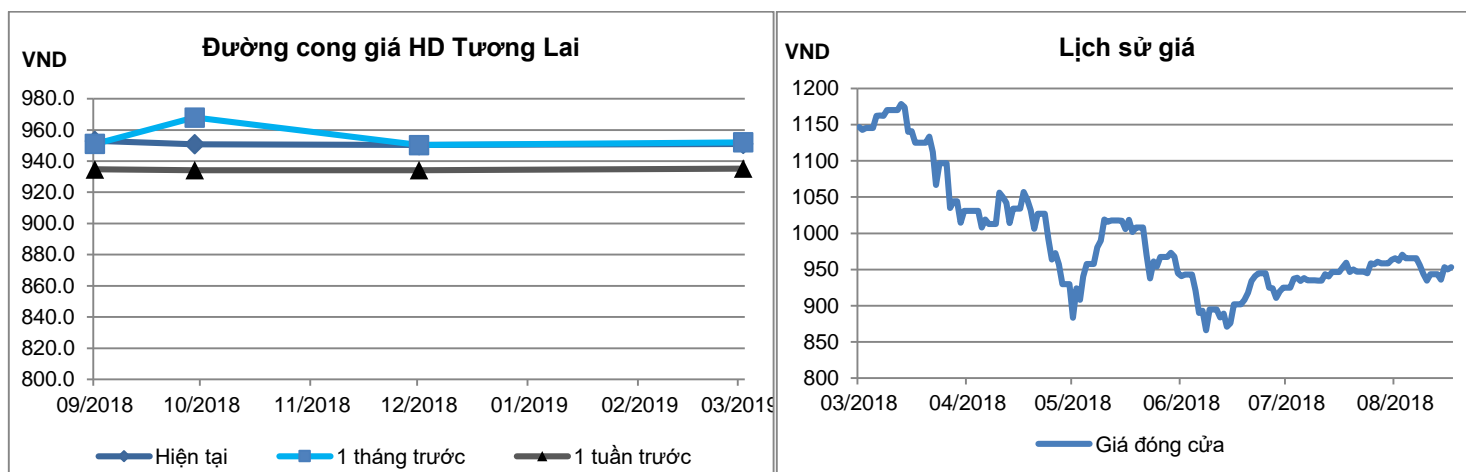
Chiến lược đầu tư: Chúng tôi nghiên về vị thế short trong phiên tới khi VN30-Index đang hình thành tín hiệu tiêu cực từ MA(100).

Kịch bản mà chúng tôi kỳ vọng xảy ra:

- Short VN30F1809 vùng giá 952-953 điểm. Mục tiêu 935 điểm. Dừng lỗ >960 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	957	-1.5	-0.2%	55,984,740			
VN30F1809	953	3.0	0.3%	126,627	14,371	20/09/2018	7
VN30F1810	951	1.0	0.1%	570	491	18/10/2018	35
VN30F1812	950	2.3	0.2%	134	602	20/12/2018	98
VN30F1903	951	4.0	0.4%	45	211	21/03/2019	189



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
14/09/2018	C47	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (1.000 đ/cp)
14/09/2018	PIA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
14/09/2018	SVC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (1.200 đ/cp)
14/09/2018	AAV	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
14/09/2018	SVH	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.